

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học Trường Đại học Kiên Giang

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGDSG ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định số 386/QĐ-KĐCLGDSG ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn và điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-KĐCLGDSG ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc tổ chức Phiên họp Lần thứ 9 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học; Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp Lần thứ 9 ngày 15 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đoàn Đánh giá ngoài Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học của Trường Đại học Kiên Giang đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục độc lập, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định, quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng đã thẩm định và thống nhất kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo như sau:

Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 46 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm tỉ lệ 92,00 %; trong đó, mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu”.

Điểm trung bình của các tiêu chí là: 3,96 (chi tiết trong Phụ lục 1).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Kiên Giang cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo cho giai đoạn 05 năm đánh giá tiếp theo

(từ năm 2023 đến năm 2028), được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng (chi tiết trong Phụ lục 2).

Điều 3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học của Trường Đại học Kiên Giang đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học cho ngành Sư phạm Toán học của Trường Đại học Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Trường ĐHKG (để thực hiện);
- Phòng ĐG&CNCLGD (để giám sát);
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN KIM DUNG

PHỤ LỤC 1.

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số **94**/NQ-HĐKĐCLGD ngày **15**/10/2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn				
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7						
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100		
Tiêu chí 1.2	4										
Tiêu chí 1.3	4										
Tiêu chuẩn 2											
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.2	3										
Tiêu chí 2.3	4										
Tiêu chuẩn 3											
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100		
Tiêu chí 3.2	3										
Tiêu chí 3.3	4										
Tiêu chuẩn 4											
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 8.1	4					
Tiêu chí 4.2	4										
Tiêu chí 4.3	4										
Tiêu chuẩn 5											
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100		
Tiêu chí 5.2	4										
Tiêu chí 5.3	3										
Tiêu chí 5.4	4										
Tiêu chí 5.5	4										
Tiêu chuẩn 6											
Tiêu chí 6.1	4	4,00	7	100	Tiêu chí 9.1	5					
Tiêu chí 6.2	4										
Tiêu chí 6.3	4										
Tiêu chí 6.4	4										
Tiêu chí 6.5	4										
Tiêu chí 6.6	4										
Tiêu chí 6.7	4										
					Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33		
					Tiêu chí 10.1	4					
					Tiêu chí 10.2	4					
					Tiêu chí 10.3	3					
					Tiêu chí 10.4	4					
					Tiêu chí 10.5	4					
					Tiêu chí 10.6	4					
					Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100		
					Tiêu chí 11.1	4					
					Tiêu chí 11.2	4					
					Tiêu chí 11.3	4					
					Tiêu chí 11.4	4					
					Tiêu chí 11.5	4					
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)				
3,96					46		92,00				

PHỤ LỤC 2

KIẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 94 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 15/10/2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Sư phạm Toán học của Trường Đại học Kiên Giang (Trường) đã được Trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy:

I. Những điểm mạnh nổi bật của chương trình đào tạo

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học (2021) đã xác định tương đối rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học và Khung trình độ Quốc gia. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định với các nội dung về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, thể hiện được mục tiêu của chương trình đào tạo; được rà soát và chỉnh sửa bổ sung, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và được công bố công khai.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Sư phạm Toán học có nội dung và thông tin theo quy định, được cập nhật, phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của ngành Sư phạm Toán học. Các đề cương học phần của ngành Sư phạm Toán học (2021) đã thể hiện được đầy đủ các thông tin, phản ánh được các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được sau khi học xong chương trình đào tạo. Các đề cương học phần được rà soát, đánh giá và điều chỉnh. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương học phần ngành Sư phạm Toán học được công khai, tạo điều kiện giúp các bên liên quan tiếp cận và sử dụng.

3. Chương trình dạy học ngành Sư phạm Toán học được thiết kế với các khối kiến thức, các học phần tương đối phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đảm bảo được sự cân đối giữa các học phần. Mỗi học phần trong chương trình dạy học đã thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được chuẩn đầu ra. Chương trình dạy học có cấu trúc tương đối hợp lý, thể hiện tính tích hợp giữa các học phần, có sự liên mạch giữa các học phần chung, cơ sở ngành, chuyên ngành và chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Chương trình dạy học được rà soát, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu chung và yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Mục tiêu chiến lược, mục tiêu đào tạo, triết lý giáo dục được Trường/Khoa tuyên bố và phổ biến đến các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học được thiết kế tương đối phù hợp nhằm đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu/kỹ năng mềm giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học.

5. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được Trường/Khoa thiết kế tương đối phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được Trường/Khoa xác định rõ ràng về hình thức, phương pháp đánh giá, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học. Người học được phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá, được phổ biến các quy định về khiếu nại kết quả học tập. Trong giai đoạn đánh giá không có người học nào khiếu nại về kết quả học tập.

6. Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiên Giang giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn đến năm 2040 thể hiện cụ thể nội dung phát triển đội ngũ giảng viên qua các chỉ số KPIs bao gồm 30% giảng viên có trình độ tiến sĩ, 01 giáo sư, 02 phó giáo sư. Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Giảng viên xây dựng kế hoạch năm học theo hướng dẫn của Trường, trong đó có quy định cụ thể về khối lượng công việc. Trường có thực hiện đánh giá và ban hành các quy chế về khen thưởng giảng viên có thành tích giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt.

7. Trường đã ban hành chiến lược phát triển nhân sự, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Trường đã ban hành các văn bản quan trọng làm căn cứ để quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và khen thưởng nhân viên. Đội ngũ nhân viên của Trường về cơ bản, đủ về số lượng và thông hiểu nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai theo các tiêu chí được xác định và phổ biến. Việc quản lý theo kết quả công việc và khen thưởng được triển khai, thực hiện. Việc giám sát và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được tiến hành định kỳ, có chế độ khen thưởng phù hợp, rõ ràng.

8. Trường có đề án tuyển sinh và chính sách, quy định tuyển sinh rõ ràng đối với từng ngành đào tạo; tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được cập nhật hằng năm và công bố công khai. Có hệ thống giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học phân công trách nhiệm; ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo; có cơ sở dữ liệu giám sát tiến bộ của người học. Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao. Công tác hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm được Trường/Khoa quan tâm, đạt hiệu quả. Trường có chính sách hỗ trợ cho người học có hoàn cảnh khó khăn, nhiều học bổng khuyến khích học tập. Môi trường học tập thân thiện; cảnh quan sư phạm xanh, đẹp tạo được điều kiện thuận lợi cho tất cả các đối tượng làm việc, giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

9. Trường/Khoa có các phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu của giảng viên, cán bộ viên chức và người học. Các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin đều được định kỳ duy tu, bảo dưỡng và cập nhật theo quy định. Thư viện nằm ở khu riêng, không gian thoáng mát, sạch, đẹp; có phòng đọc rộng rãi, được trang bị phần mềm chuyên dùng, có công cụ tra cứu, có nội quy và hướng dẫn sử dụng rõ ràng. Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý của Trường; ký túc xá đủ chỗ ở để phục vụ cho người học. Trường có khuôn viên rộng rãi, nhiều cây xanh, sạch, đẹp. Trường có các quy định, nội quy và thực hiện tốt về an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy. Trường đã chăm lo sức khỏe giảng viên, người học và nhân viên và tạo môi trường giáo dục, thân thiện.

10. Trường ban hành quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành và cập nhật chương trình đào tạo, trên cơ sở đó, Khoa kết hợp với Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng thực hiện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan cho việc điều chỉnh chương trình dạy học. Trường có các văn bản quy định và hướng dẫn, có tổ chức các đợt tập huấn việc tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đầu ra; hướng dẫn về việc đo lường, đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mức đạt chuẩn đầu ra của học phần. Khoa có đề tài nghiên cứu liên quan đến việc dạy học, kết quả một số đề tài được áp dụng vào nội dung giảng dạy. Trường triển khai các đợt khảo sát ý kiến các bên liên quan đánh giá chất lượng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học làm cơ sở cho việc cải tiến các hoạt động. Cơ chế phản hồi được rà soát, cải tiến qua việc

điều chỉnh các quy trình, biểu mẫu phiếu khảo sát, nội dung câu hỏi, hình thức khảo sát và tổ chức thực hiện.

11. Phòng đào tạo phối hợp với Khoa và Phòng Công tác sinh viên và Kết nối cộng đồng sử dụng phần mềm quản lý theo dõi, lưu trữ dữ liệu thống kê, có bảng đối sánh hàng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình hình việc làm của người học. Trường/Khoa có những hoạt động hỗ trợ người học nâng cao khả năng tìm việc làm sau tốt nghiệp. Trường có quy trình và chính sách hỗ trợ người học tham gia nghiên cứu khoa học; Khoa cử giảng viên hướng dẫn người học thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và giám sát quá trình hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng phối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát, thu thập và báo cáo kết quả về mức độ hài lòng của các bên liên quan, trên cơ sở đó, Khoa và các đơn vị có kế hoạch và thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động.

II. Những điểm cần cải thiện, bổ sung, điều chỉnh của Trường/Khoa; Kiến nghị của Hội đồng về việc đề nghị Trường/Khoa khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo

1. Trong quá trình rà soát điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo, Trường cần khảo sát ý kiến của các bên liên quan đầy đủ hơn, thường xuyên hơn, với số lượng đối tượng khảo sát lớn hơn, đặc biệt là từ phía nhà tuyển dụng và cựu người học. Cần rà soát chỉnh sửa và cập nhật chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy trình PDCA và chú ý sử dụng các động từ diễn đạt chuẩn đầu ra phù hợp để có thể đánh giá, đo lường mức độ đạt được của các chuẩn đầu ra.

2. Trường/Khoa cần rà soát việc phân nhiệm chuẩn đầu ra và phân chia mức độ đóng góp từ thấp đến cao cho các học phần đảm bảo sự logic theo thứ tự các học phần trong chương trình dạy học. Khoa/Bộ môn/giảng viên cần rà soát đề cương học phần để xác định mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần rõ ràng hơn và thiết lập ma trận kết nối nội dung chương mục với chuẩn đầu ra học phần phù hợp hơn. Nên bổ sung các hoạt động giám sát, hỗ trợ của giảng viên giúp người học thực hiện việc tự học, tự nghiên cứu và có phương pháp kiểm tra đánh giá việc tự học, tự nghiên cứu của người học. Cần có giải pháp phù hợp hơn để mọi đối tượng, nhất là những đối tượng ngoài Trường có thể tiếp cận chương trình đào tạo và đề cương học phần dễ dàng hơn.

3. Khoa/Bộ môn/giảng viên cần thực hiện phân tích kết quả đối sánh về phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá. Cần rà soát chuẩn đầu ra của một số học phần trong chương trình đào tạo để xác định và mô tả chuẩn đầu ra phù hợp, đảm bảo có thể đo lường đánh giá được dễ dàng. Cần xác định rõ ràng hơn mức độ đóng góp của nội dung chương mục với chuẩn đầu ra của học phần. Nên khảo sát đa dạng đối tượng và tăng số lượng; thiết kế câu hỏi khoa học hơn và bao phủ hết được các vấn đề liên quan đến chương trình dạy học, đề cương học phần để đổi mới nội dung học phần trong chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra. Cần rà soát sắp xếp thứ tự các học phần phù hợp hơn để đảm bảo tính logic cao hơn của chương trình dạy học. Cần tăng thời lượng cho rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

4. Trường/Khoa cần có kế hoạch phổ biến, giới thiệu triết lý giáo dục với các hình thức đa dạng hơn. Cần rà soát lại đề cương học phần để bổ sung mô tả rõ hơn các hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học. Cần định kỳ tổng kết, phân tích, đánh giá tác động của các phương pháp dạy học của giảng viên đã vận dụng để đổi mới, cải tiến phương pháp dạy cách học, tự học, tự nghiên cứu cho người học; phù hợp với thực tiễn và đặc trưng của chương trình

đào tạo ngành Sư phạm Toán học. Tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và hoạt động trải nghiệm cho người học nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Trong đề cương của một số học phần, cần thể hiện rõ nội dung tự học và phương pháp, công cụ đánh giá kết quả tự học/tự nghiên cứu của người học. Khoa/Tổ Bộ môn cần tổng kết phân tích sâu và đánh giá cụ thể về tính phù hợp của các hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá để có cơ sở điều chỉnh phù hợp. Trong đề cương học phần cần thể hiện rõ các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá giúp đo lường các chuẩn đầu ra về kỹ năng/mức tự chủ và trách nhiệm được xác định trong các chuẩn đầu ra. Hướng dẫn thiết kế ma trận đề thi. Cần đánh giá về phương pháp đánh giá cho điểm đối với học phần làm tiểu luận. Trường/Khoa cần có quy định cụ thể về khiếu nại kết quả điểm kiểm tra các loại.

6. Trường/Khoa Sư phạm và Xã hội Nhân văn cần tiếp tục xây dựng và thực hiện chính sách đầu tư, thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tốt nghiệp đúng/gần chuyên ngành tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Khoa và Trường. Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng, Trường/Khoa cần tổ chức thêm các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, phát triển chương trình, xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học, đăng báo và tạp chí trong và nước nâng cao số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học của ngành và Khoa. Ngoài ra, Trường/Khoa tiếp tục tìm kiếm và thúc đẩy hợp tác với các đối tác như doanh nghiệp, chính quyền địa phương, các trường đại học khác nhiều hơn nữa để nâng cao số lượng và chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của ngành và Khoa.

7. Trường cần có quy hoạch cụ thể đội ngũ nhân viên cho từng đơn vị phòng/trung tâm theo từng năm; các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đối với một vị trí việc làm ở các đơn vị công tác khác nhau cần được cụ thể hơn để đáp ứng yêu cầu đặc thù của đơn vị công tác. Yêu tố chất lượng của việc hoàn thành công việc cần được tính đến khi đánh giá năng lực của nhân viên. Các tiêu chí đánh giá nên có trọng số khác nhau, mỗi tiêu chí nên được lượng hóa bằng mức điểm. Cần khuyến khích nhân viên theo học các lớp đào tạo, bồi dưỡng có nội dung nâng cao các năng lực mà nhân viên đảm nhiệm. Cần tăng kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân viên. Nhân viên cần có kế hoạch tu dưỡng để tạo thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc.

8. Trường cần rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, xác định tương quan giữa kết quả tuyển sinh với tỉ lệ người học đạt các mức học lực và tỉ lệ thôi học để có điều chỉnh, cải tiến phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu cải tiến công tác tư vấn, quảng bá tuyển sinh để có thể thu hút người học cho chương trình đào tạo. Từng bước cải thiện chất lượng tuyển sinh. Rà soát và cải tiến đánh giá công tác hỗ trợ, tư vấn học tập, hướng nghiệp của đội ngũ cố vấn học tập và của phòng/ban liên quan. Chú trọng hơn đến việc truyền tải tinh thần đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp cho người học.

9. Thư viện cần bổ sung nguồn học liệu (tài liệu bắt buộc) và cả ngoại văn bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ) cho đầy đủ đáp ứng theo danh mục tài liệu giáo trình chính – giáo trình tham khảo cho các học phần của từng chương trình đào tạo. Mở rộng liên kết thư viện của các trường đại học trong và ngoài nước để tăng cường các đầu sách mới, đẩy mạnh số hóa và hệ thống thư viện điện tử. Trường/Khoa cần bổ sung đầu tư thêm các thiết bị và việc bố trí theo quy định để đa dạng hóa nhằm nâng cao kỹ năng thực hành chuyên môn thực tế cho người học.

10. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa và các đơn vị liên quan cần rà soát điều chỉnh nội dung các phiếu khảo sát ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Cần tăng

cường hoạt động khảo sát, có hình thức phù hợp để thu thập đầy đủ thông tin và ý kiến phản hồi, đặc biệt từ các đối tượng bên ngoài. Cần định kỳ rà soát, đánh giá sự tương thích, phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra và triển khai có tính hệ thống đến toàn thể giảng viên và người học. Khoa cần tăng cường các quan hệ hợp tác, định kỳ tổ chức các hội thảo để phổ biến, áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong việc cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập. Trường cần tăng cường giám sát, đánh giá kết quả cải tiến của các đơn vị trên cơ sở ý kiến đóng góp từ các đợt khảo sát.

11. Trường/Khoa cần tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá các biện pháp hỗ trợ để tăng tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỉ lệ người học thôi học, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình. Cần phân tích, dự báo cũng như đề xuất những giải pháp cải thiện các tỉ lệ này. Khoa cần tổng kết đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của người học để rà soát, cập nhật kế hoạch phát triển các loại hình hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế và tiềm năng của người học ngành Sư phạm toán học. Trường cần xác định và hướng dẫn rõ ràng các tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan cho tất cả các phiếu khảo sát cho từng nhóm đối tượng; cần tìm hiểu dữ liệu và thực hiện đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài Trường.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục thuộc kiến nghị của Hội đồng, đề nghị Nhà trường và Khoa đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (Hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo), Nhà trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định./.